

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
1	080230	Nguyễn Nhật Huy	18/02/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	9.5	8.5	9.5			27.50	
2	530177	Bùi Vũ Nhã Trúc	29/07/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	10	7.75	8.75			26.50	
3	530049	Nguyễn Trần Châu Giang	07/02/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	9.5	8	8.75			26.25	
4	080183	Phạm Ngọc Hân	18/02/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	9.25	8.25	8.75			26.25	
5	080539	Luyện Thị Phương Trang	17/04/2010	Trường THCS Chư Quynh	Huyện Cư Kuin	9.5	8.25	8.25			26.00	
6	080204	Bùi Ngọc Hoa	03/02/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	8.5	8.75	8.5			25.75	
7	080403	Mai Đan Như	28/08/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	9.5	7.75	8.5			25.75	
8	080089	Dương Thị Minh Châu	15/04/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	8.5	8	8.75			25.25	
9	080280	Đỗ Duy Khương	25/01/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	8	8	9.25			25.25	
10	080323	Hoàng Minh Lương	08/10/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	8	7	9	1.0		25.00	
11	080108	Nguyễn Ngọc Huyền Diệu	06/10/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	7.25	8.75	8.75			24.75	
12	080162	Phùng Thị Hà Giang	14/10/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	8.5	7.75	8.5			24.75	
13	530501	Huỳnh Khánh Ngọc	04/09/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	8.25	7.75	8.75			24.75	
14	080585	Phan Vũ Tường Vy	26/11/2010	Trường THCS Chư Quynh	Huyện Cư Kuin	8.25	7.75	8.75			24.75	
15	080135	Nguyễn Thế Đạt	11/07/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	8.5	8	8			24.50	
16	080320	Nguyễn Vi Lữ	01/07/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	7.25	8.5	8.75			24.50	
17	530333	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	11/10/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	8.5	7	9			24.50	
18	080090	Nguyễn Lê Bảo Châu	13/01/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	8.25	7	9			24.25	
19	530639	Nguyễn Mai Quỳnh Chi	19/10/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	7.25	8.25	8.75			24.25	
20	080107	Hoàng Thị Huyền Diệu	05/04/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	7.25	8.25	8.75			24.25	
21	080354	Nguyễn Kim Ngân	18/06/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	9	6.75	8.5			24.25	
22	530263	Đặng Hoàng Gia Hưng	30/12/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	8.25	7	8.75			24.00	
23	530144	Trần Văn Phú	12/06/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	9.75	6.5	7.75			24.00	
24	080524	Vũ Hoàng Khánh Thy	23/07/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	7.75	7.5	8.75			24.00	
25	080556	Phạm Hoàng Thanh Trúc	02/02/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	7.5	7.75	7.75	1.0		24.00	
26	080591	Trần Thị Bảo Vy	31/08/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	7.25	8	8.75			24.00	
27	080015	Nguyễn Quốc Anh	16/02/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	8.25	7.75	7.75			23.75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
28	080141	Lê Minh Đăng	08/06/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	7.75	7.5	8.5			23.75	
29	530585	Trần Đức Nguyên	07/05/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	8.5	6.5	8.75			23.75	
30	080039	Trần Gia Bảo	17/07/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	7.25	8	8.25			23.50	
31	080304	Hoàng Khánh Linh	10/05/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	7.75	8.25	7.5			23.50	
32	080005	Nguyễn Đình Thành An	17/05/2010	THCS Trung Hòa	Huyện Cư Kuin	8	7.75	7.5			23.25	
33	080351	Vì Thị Hằng Nga	26/02/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	6.25	8.5	7.5	1.0		23.25	
34	080366	Nguyễn Kế Nguyên	23/10/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	9	6	8.25			23.25	
35	080412	H Uyên Niê	09/09/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	8.5	7	6.25	1.0	0.5	23.25	
36	080515	Phạm Bùi Minh Thư	25/08/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	7.75	6.75	8.75			23.25	
37	080180	Hồ Huỳnh Ngọc Hân	18/04/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	7.25	8	7.75			23.00	
38	080243	Lê Phương Huyền	14/03/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	7.75	7	8.25			23.00	
39	080093	Phạm Mai Linh Chi	06/12/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	7.5	7.25	8			22.75	
40	080346	Phạm Võ Hoàng Nam	01/08/2010	Trường THCS Chư Quynh	Huyện Cư Kuin	8	6.5	8.25			22.75	
41	530317	Hồ Bùi Minh Nhật	03/10/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	6.75	7	9			22.75	
42	080409	Đoàn Thị Cẩm Ni	17/03/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	6.25	7.75	8.75			22.75	
43	080456	Trần Thư Quỳnh	11/03/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	8	6	8.75			22.75	
44	080581	Văn Hoàng Thiên Vũ	03/07/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	7.75	6.5	8.5			22.75	
45	080091	Ngô Thùy Chi	30/05/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	6.75	8.25	7.5			22.50	
46	080010	Trần Nguyễn Mai Anh	12/08/2010	Trường THCS Chư Quynh	Huyện Cư Kuin	6	8	8.25			22.25	
47	080148	Nguyễn Thị Ngọc Đoan	17/09/2010	THCS Hùng Vương	Huyện Krông Bông	6.5	7.5	8.25			22.25	
48	080221	Phạm Ngọc Hoàng	06/03/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	6.5	7.75	8			22.25	
49	530668	Trần Thị Xuân Ly	18/01/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	6.25	8	8			22.25	
50	080395	Trần Đan Nhi	19/04/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	6	7.5	8.75			22.25	
51	080494	Vũ Minh Thiện	01/02/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	8.75	6.5	7			22.25	
52	080177	Nguyễn Ngọc Hân	30/04/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	7.5	7	7.5			22.00	
53	080365	Y Ngôi Kbuôr	23/03/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	6.75	7.5	6.5	1.0		21.75	
54	080406	Nông Thị Quỳnh Như	13/01/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	5.5	6.5	8.75	1.0		21.75	
55	080512	Nguyễn Hồ Anh Thư	02/04/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	6.5	8.25	7			21.75	
56	080246	Nguyễn Thị Khánh Huyền	25/06/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	6.75	7.25	7.5			21.50	
57	080344	Phan Hải Nam	20/09/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	6.5	7	8			21.50	
58	080564	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	02/09/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	5.25	7.75	8.5			21.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
59	080045	Trần Gia Bảo	28/02/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4.5	8	8.75			21.25	
60	080191	Đặng Trung Hiếu	15/08/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	6.5	6.5	8			21.00	
61	080249	Văn Tiến Hưng	22/08/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	7.25	5.75	8			21.00	
62	080256	Lê Quang Kha	21/07/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	8.25	5	7.75			21.00	
63	080328	Nguyễn Ngọc Ly Ly	10/02/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	6	7.25	7.75			21.00	
64	080353	Nguyễn Trần Thu Nga	25/08/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	7.75	7	6.25			21.00	
65	080378	Võ Thiện Nhân	25/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	8	6.25	6.75			21.00	
66	080417	Trần Ngọc Hoàng Ny	28/08/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	5.75	7	8.25			21.00	
67	080425	Nguyễn Lê Minh Phong	05/02/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	5.25	8.25	7.5			21.00	
68	080166	Nguyễn Hà Xuân Giáp	05/11/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	6	5.25	8.5	1.0		20.75	
69	080173	Nguyễn Trần Thúy Hằng	16/09/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	6	7.5	7.25			20.75	
70	080337	Hoàng Thảo My	13/08/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	6.25	6.5	8			20.75	
71	080394	Phan Thảo Nhi	06/03/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	7	7.5	6.25			20.75	
72	080563	Trần Anh Tuấn	24/05/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4	8	8.75			20.75	
73	080579	Lê Quang Vinh	06/10/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4.75	7.25	8.75			20.75	
74	530628	Nguyễn Thương Huyền Anh	26/01/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	5	7.75	7.75			20.50	
75	080212	Văn Thị Thanh Hoài	15/05/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	5	7	8.5			20.50	
76	080352	Nguyễn Thúy Nga	21/09/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	6.25	6.5	7.25		0.5	20.50	
77	080146	Đỗ Tâm Đoan	12/04/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	5.5	6.75	8			20.25	
78	080479	Lê Phương Thảo	24/04/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	6.5	7.25	6.5			20.25	
79	080527	Nguyễn Phạm Lan Tiên	29/04/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	5.25	8.25	6.75			20.25	
80	080121	Nguyễn Mai Quỳnh Duyên	05/11/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	5.5	6.25	8.25			20.00	
81	080179	Trần Thị Ngọc Hân	21/07/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	7	5.25	7.75			20.00	
82	080208	Nguyễn Thái Hòa	31/12/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	6	6.25	7.75			20.00	
83	080219	Lê Ngọc Hoàng	28/08/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	7	5.25	7.75			20.00	
84	080265	Trần Thái Khang	17/02/2010	THCS Nguyễn Chí Thanh	Thành phố Buon Ma Thuot	5.5	6.5	8			20.00	
85	080402	Phạm Quỳnh Như	14/11/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4.5	7	8.5			20.00	
86	080531	Trần Ngọc Tín	04/01/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	7	6	7			20.00	
87	080545	Nguyễn Huyền Bảo Trâm	28/04/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	7.5	7.75	4.75			20.00	
88	080536	Lê Thị Phương Trang	31/10/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.75	8	8.25			20.00	
89	080105	Nông Thị Kiều Diễm	15/07/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	5.5	6.92	6.5	1.0		19.92	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
90	080025	Trần Lưu Phương Anh	30/01/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4.75	7.5	7.5			19.75	
91	520219	Ngôn Thị Tô Hoài	06/01/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	5.75	7.25	5.75	1.0		19.75	
92	080239	Ngô Tiến Huy	29/07/2010	THCS Hùng Vương	Huyện Krông Bông	6	6.25	7.5			19.75	
93	080316	Lê Đình Long	22/02/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	5	7.5	7.25			19.75	
94	080350	Phạm Thị Thiên Nga	30/11/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	6	6.75	7			19.75	
95	080511	Bùi Nguyễn Thị Thanh Thúy	29/10/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.25	7	8.5	1.0		19.75	
96	080535	Nguyễn Thị Thanh Trà	11/01/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4	7.75	8			19.75	
97	080076	H'châu Btô	19/04/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	4.75	8.25	5	1.0	0.5	19.50	
98	080111	Ngô Trần Doanh	08/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	8	5.75	5.75			19.50	
99	080295	H - Sapni Buôn Krông	30/01/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	5.25	7.75	5.5	1.0		19.50	
100	080537	Hoàng Thị Mai Trang	09/04/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.75	7.75	8			19.50	
101	080011	Hà Lê Kim Anh	04/02/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	5.25	7.25	6.75			19.25	
102	080128	Trần Vũ Linh Đan	05/07/2010	TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT	Thành phố Buôn Ma Thuột	5.75	7.25	6.25			19.25	
103	080205	Nguyễn Thị Khánh Hòa	23/04/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	4.25	7.5	7.5			19.25	
104	080228	Nguyễn Gia Huy	25/05/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	5.75	6.5	7			19.25	
105	080261	Hoàng Nguyên Khang	19/07/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	6	6.5	6.75			19.25	
106	080307	Kỳ Thị Mai Linh	28/09/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	4	7.75	7.5			19.25	
107	080371	Nguyễn Khôi Nguyên	12/08/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	6.25	5.25	7.75			19.25	
108	080407	Trần Tâm Như	25/03/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.5	6.75	8			19.25	
109	080521	Khương Thị Hoài Thương	04/12/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	6.25	7.25	5.75			19.25	
110	080562	Nguyễn Anh Tuấn	10/09/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	7	6.25	6			19.25	
111	080571	Lê Ngọc Quỳnh Uyên	06/01/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	5.25	6.75	7.25			19.25	
112	080014	Ngô Nguyễn Bảo Anh	02/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	5.25	6.25	7.5			19.00	
113	080250	Nguyễn Thiên Hương	12/06/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	7	7.75			19.00	
114	080327	Nguyễn Vũ Trúc Ly	21/10/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	6.5	8.25			19.00	
115	080542	Nguyễn Ngọc Trâm	05/04/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3.75	7	7.25	1.0		19.00	
116	080533	Thân Gia Tín	20/05/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	6.5	7.25	5.08			18.83	
117	080032	Trần Thị Nguyệt Ánh	06/09/2010	THCS Võ Nguyên Giáp	Huyện Krông A Na	3.25	8.25	7.25			18.75	
118	520484	Mễ Thị Diễm Quỳnh	19/06/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	5.25	6.25	6.25	1.0		18.75	
119	080580	Lê Phong Vũ	26/01/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4	6.25	8.5			18.75	
120	080048	Nguyễn Trọng Bảo	13/08/2009	THCS Tân Bình	Thành phố Dĩ An	6	6.75	5.75			18.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
121	080175	Nguyễn Trần Ngọc Hân	26/07/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	6.25	6.75	5.5			18.50	
122	080362	Trần Phương Ngọc	01/07/2010	Trường THCS Chư Quynh	Huyện Cư Kuin	3	7.75	7.75			18.50	
123	520465	Chu Thị Hà Phi	23/12/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	5.75	7.25	4.5	1.0		18.50	
124	080004	Nguyễn Lê Gia An	31/05/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.75	7.5	7			18.25	
125	080040	Trần Vũ Nhật Bảo	12/02/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	7	4	7.25			18.25	
126	080139	Hoàng Tiến Đạt	10/09/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	5.75	7.25	5.25			18.25	
127	080217	Nguyễn Huy Hoàng	03/11/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	5.25	5.5	7.5			18.25	
128	080288	Nguyễn Ngọc Huyền Kim	11/04/2010	THCS Hùng Vương	Huyện Krông Bông	4.25	7.5	6.5			18.25	
129	080303	Nguyễn Mai Trúc Linh	11/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.75	6.5	7			18.25	
130	080424	Nguyễn Hoàng Phong	21/11/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	6.5	7.5			18.25	
131	080546	Phan Hồ Bảo Trâm	22/02/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	5.25	6.75	6.25			18.25	
132	080019	Trần Hoàng Anh	09/01/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3.75	5.75	8		0.5	18.00	
133	080097	Nguyễn Hoàng Cao Cường	18/08/2009	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.5	7	6.5			18.00	
134	530657	Ngô Thị Mỹ Huệ	07/04/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3	7.75	7.25			18.00	
135	080334	Nguyễn Mai Kiều My	20/09/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	6.5	7.5			18.00	
136	080379	Nguyễn Quang Nhật	01/07/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.75	6.25	8			18.00	
137	080540	Phạm Thị Huyền Trang	22/02/2010	Trường THCS Chư Quynh	Huyện Cư Kuin	4	6	8			18.00	
138	080255	H - Triệu Vy Niê Kdăm	14/01/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	5	5.25	6.5	1.0		17.75	
139	080258	Đỗ Minh Khải	06/01/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	6.5	7.25	4			17.75	
140	080275	Phạm Duy Khoa	26/01/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	6.25	7.25			17.75	
141	080468	Nguyễn Đình Thiện Tâm	11/11/2010	Trường THCS Chư Quynh	Huyện Cư Kuin	4.75	6.75	6.25			17.75	
142	080466	Lê Thanh Tâm	14/05/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4	6.25	6.5	1.0		17.75	
143	080235	Lê Quang Gia Huy	29/09/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	7	6	4.5			17.50	
144	080301	Trần Đan Lê	03/11/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	4	6	7.5			17.50	
145	080312	Hồ Thị Loan	25/07/2010	Trường THCS Chư Quynh	Huyện Cư Kuin	4.5	6.5	6.5			17.50	
146	080321	Nguyễn Hoàng Lương	09/06/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.25	6.25	7			17.50	
147	080383	Trương Ngọc Bảo Nhi	26/03/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	6.75	6	4.75			17.50	
148	080526	Nguyễn Phúc Gia Thy	31/03/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	6	6.25	5.25			17.50	
149	080569	Nguyễn Lê Phương Uyên	27/05/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	4.75	6.25	6.5			17.50	
150	080059	Phạm Ngọc Thiên Bảo	08/10/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	4.5	4.5	7.25	1.0		17.25	
151	080285	Phạm Huỳnh Văn Kiệt	26/01/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	5	6.5	5.75			17.25	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
152	080314	Nguyễn Dương Như Loan	15/04/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	5	7.5	4.75			17.25	
153	080423	Nguyễn Hoàng Phát	19/05/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	7	6			17.25	
154	080459	Ngô Tấn Sang	26/05/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3	6.75	7.5			17.25	
155	080018	Nguyễn Vũ Quốc Anh	22/11/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.25	5.75	8			17.00	
156	080389	Trần Thị Quỳnh Nhi	02/06/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	5.25	6	5.75			17.00	
157	080421	Phạm Tấn Phát	09/04/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3.5	5.25	8.25			17.00	
158	080505	Mai Phạm Đăng Thùy	18/02/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	5.5	7.5			17.00	
159	080534	Trương Quang Toàn	02/04/2010	TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT	Thành phố Buôn Ma Thuột	5.5	4.5	7			17.00	
160	080029	Nguyễn Hồng Ngọc Ánh	25/09/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	4.5	6	6.25			16.75	
161	080049	Đậu Thái Bảo	28/10/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	5.25	7.25	3.25	1.0		16.75	
162	080240	Ngô Gia Huy	07/03/2010	THCS Hùng Vương	Huyện Krông Bông	2.5	6.75	7.5			16.75	
163	080232	Trần Văn Huy	06/02/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.5	6.75	6.5			16.75	
164	080299	H Li Diệu Ktũl	01/11/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	4	7	4.75	1.0		16.75	
165	080300	Y Lâm Kbuôr	25/09/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3.25	7	5.5	1.0		16.75	
166	080440	Nguyễn Bá Minh Quân	06/02/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	4.5	5.75	6.5			16.75	
167	080461	H Sanny Êñuôl	14/06/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	4	6.5	5.25	1.0		16.75	
168	080437	Lê Ngọc Quang	18/05/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	4	6.17	6.5			16.67	
169	080454	Trần Thị Như Quỳnh	19/01/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	5.5	6.08	5			16.58	
170	080053	Ngô Gia Bảo	06/01/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	4.5	5.75	6.25			16.50	
171	080095	H Cô Ne Ayũn	16/01/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	4	6.5	5	1.0		16.50	
172	080125	Nguyễn Thị Linh Đan	25/12/2010	Trường THCS Chư Quynh	Huyện Cư Kuin	3.75	6.75	6			16.50	
173	080305	Nguyễn Lê Phương Linh	17/02/2010	THCS Đình Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.25	7.25	5			16.50	
174	080317	Nguyễn Duy Long	11/05/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	5.25	6.5	4.75			16.50	
175	080338	Nguyễn Ngọc My	24/02/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	6.25	6.75	3.5			16.50	
176	080501	Nguyễn Hoài Thu	27/03/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	6.25	5.75	4.5			16.50	
177	080023	Lê Văn Anh	19/05/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	2.5	7	6.75			16.25	
178	080092	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	29/01/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	5	7.25	4			16.25	
179	080358	Dương Đình Nghĩa	08/02/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.25	6	7			16.25	
180	080481	Nguyễn Thị Thanh Thảo	23/09/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.75	5.75	6.75			16.25	
181	080510	Nguyễn Lê Phương Thúy	06/06/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	5.5	6	4.75			16.25	
182	080021	Nguyễn Thị Lan Anh	23/03/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	5.25	8	2.75			16.00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
183	080051	Ngô Gia Bảo	31/03/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	5.75	6.75	3.5			16.00	
184	080115	Phạm Quang Dũng	28/01/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.75	5.75	6.5			16.00	
185	080274	Tăng Thị Ngọc Khánh	02/09/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3	6.75	5.25	1.0		16.00	
186	080386	Đỗ Tuyết Nhi	01/06/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	6.5	5.5			16.00	
187	080416	Dương Thảo Ny	24/09/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	4.75	5.75	4.5	1.0		16.00	
188	080473	Nguyễn Thiên Thạch	17/07/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.75	6.25	6			16.00	
189	080517	Hoàng Thị Anh Thư	19/06/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	4.75	6.5	4.75			16.00	
190	080532	Nguyễn Trung Tín	06/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	6	5.75			16.00	
191	080544	Phan Thị Trâm	31/12/2009	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.5	6	6.5			16.00	
192	080549	Nguyễn Hồ Ngọc Trinh	28/09/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.5	6.75	4.75			16.00	
193	080568	Lê Thục Uyên	31/05/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	4.75	6.5	4.75			16.00	
194	080154	Nguyễn Trần Anh Đức	10/11/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	4	5.08	6.75			15.83	
195	080271	Dương Đình Nguyên Khánh	13/10/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4	8	3.75			15.75	
196	080450	Lê Thị Ngọc Quỳnh	13/03/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.75	6.25	5.75			15.75	
197	080482	Tô Thị Bích Thảo	17/11/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.5	5.75	6.5			15.75	
198	080570	Nguyễn Thu Uyên	13/11/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	4.5	5	6.25			15.75	
199	080046	Nguyễn Quốc Bảo	20/02/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.75	6	5.75			15.50	
200	080136	Mai Xuân Đạt	17/10/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.5	7.25	4.75			15.50	
201	080112	Nguyễn Thanh Hoàng Dung	19/04/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.5	7.5	4.5			15.50	
202	080161	Phạm Hoàng Giang	11/02/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.75	6	5.75			15.50	
203	080181	Trần Nguyễn Gia Hân	07/04/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	5	7.25	3.25			15.50	
204	080186	Hoàng Thị Diệu Hiền	15/05/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.75	6.75	5			15.50	
205	080287	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	17/02/2010	THCS Đình Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.25	7	5.25			15.50	
206	080388	Vũ Ngọc Quỳnh Nhi	08/03/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	7	4.5			15.50	
207	080401	Trần Thị Phi Nhung	20/01/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	6	6.5	3			15.50	
208	080538	Nguyễn Thị Thùy Trang	04/03/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.25	6.5	5.75			15.50	
209	080565	Đinh Nguyễn Cát Tường	07/10/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	6.25	5.25			15.50	
210	080582	Nông Hoàng Vũ	02/08/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	6	5	3.5	1.0		15.50	
211	080600	Nguyễn Bảo Yến	04/05/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3	6.75	5.75			15.50	
212	080008	Nguyễn Quốc An	27/03/2010	THCS Đình Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.75	6.5	4			15.25	
213	080047	Nguyễn Lê Gia Bảo	01/09/2010	THCS Đình Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3	5.5	6.75			15.25	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
214	080072	H Lươt Bkrông	02/03/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	4.25	4.75	5.25	1.0		15.25	
215	080113	Mai Nguyễn Phương Dung	16/11/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3	6.75	5.5			15.25	
216	080118	Dương Ngọc Duy	01/05/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3	5.75	6.5			15.25	
217	080119	Trần Thị Mỹ Duyên	21/12/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	4.5	5.5	5.25			15.25	
218	080215	Trần Thái Hoàng	26/04/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	5.25	6.5	3.5			15.25	
219	080251	Trần Đại Bằng Hữu	20/02/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3	6.25	6			15.25	
220	080233	Nguyễn Quốc Huy	10/11/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	5.25	4.5	5.5			15.25	
221	080242	Hoàng Thị Thanh Huyền	09/07/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.75	7.25	4.25			15.25	
222	080266	Nguyễn Văn Minh Khang	29/03/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.75	5.75	5.75			15.25	
223	080263	Nguyễn Tuấn Khang	16/07/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.5	5.5	5.25			15.25	
224	080415	H' Noai Êban	26/02/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.5	5.75	4	1.0		15.25	
225	080429	Phùng Đỗ Khánh Chi	25/02/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	6	6	3.25			15.25	
226	080453	Đặng Như Quỳnh	26/08/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4	6.25	5			15.25	
227	080486	Mai Toàn Thắng	12/06/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	4.75	6.25			15.25	
228	080480	Lương Thị Phương Thảo	19/07/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4.75	7	3.5			15.25	
229	080498	Hoàng Đình Thông	03/02/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.75	5.5	6			15.25	
230	080513	Đỗ Hoàng Khánh Thư	20/10/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.75	6	5.5			15.25	
231	080509	Nguyễn Thị Thanh Thúy	19/08/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.5	5.5	6.25			15.25	
232	080573	Phan Nguyễn Tường Vi	09/09/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4.5	6	4.75			15.25	
233	080009	Nguyễn Thị Hoàng An	01/09/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4.5	6.25	4.25			15.00	
234	080034	H' Nhor Ayün	11/06/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	4	5.5	4.5	1.0		15.00	
235	080052	Phan Đức Bảo	22/12/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4	5.5	5.5			15.00	
236	080124	Trần Anh Đài	04/10/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	5.75	4.5	4.75			15.00	
237	520127	Phùng Thị Nhã Đan	30/06/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	5	6.5	2.5	1.0		15.00	
238	080131	Hoàng Trọng Quốc Đạt	17/09/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	6.75	5.25	3			15.00	
239	080325	Lương Phương Thủy	15/03/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.25	6.5	5.25			15.00	
240	080342	Cao Lê Na	06/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	7.5	3.5			15.00	
241	080382	Lê Thị Yến Nhi	11/07/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.25	6.25	5.5			15.00	
242	080448	Bùi Thị Bảo Quyên	11/04/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4	6.75	4.25			15.00	
243	080493	Đặng Hoàng Thiện	01/08/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	3.5	5.5	6			15.00	
244	080559	Nông Anh Tú	27/06/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.25	5.75	5	1.0		15.00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
245	080165	Nguyễn Trường Giang	21/01/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	3	5.75	6			14.75	
246	080164	Trần Thị Thảo Giang	08/01/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.75	5.5	5.5			14.75	
247	080182	Lê Thị Ngọc Hân	16/09/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	4.25	5.75	4.75			14.75	
248	080278	Hoàng Đức Khôi	03/12/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	5.75	5			14.75	
249	080322	Lê Thị Hiền Lương	09/11/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	4.75	5.5	4.5			14.75	
250	080341	Nguyễn Hoàng Ly Na	27/11/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.5	6.75	4.5			14.75	
251	080446	Trần Vũ Bảo Quyên	19/07/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.25	7	4.5			14.75	
252	080449	Trần Quyết	17/02/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	5.5	4	5.25			14.75	
253	080576	Hoàng Hà Vi	05/10/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.5	6	5.25			14.75	
254	080592	Phạm Khôi Vỹ	28/06/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	7.5	5.75	1.5			14.75	
255	520606	H Ếra Buôn Yă	11/01/2010	PTDNTN THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	4	7.25	2.5	1.0		14.75	
256	080027	Nguyễn Hoàng Anh	22/05/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	4.25	6.5	3.75			14.50	
257	080070	Y Khai Bdap	17/09/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.75	6	3.75	1.0		14.50	
258	080144	Đồng Minh Đăng	23/06/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	6.75	3.5			14.50	
259	080138	Đỗ Thành Đạt	24/08/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	4.75	5.75	4			14.50	
260	080104	Trần Khả Ái Di	20/06/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.75	6.75	4			14.50	
261	080169	Dương Thị Thu Hà	09/12/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.75	6.75	5			14.50	
262	080294	H' Somal Kpơr	12/04/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.5	6.25	3.75	1.0		14.50	
263	520301	H Rô Lan Bdap	11/06/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.25	6.25	3	1.0		14.50	
264	080306	Nguyễn Thị Thục Linh	06/09/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	4.25	6.75	3.5			14.50	
265	080445	Hồ Lê Tố Quyên	05/07/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3	6.5	5			14.50	
266	080476	Lê Đan Thanh	28/10/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	4.5	6			14.50	
267	080490	Nguyễn Ngọc Thi	17/07/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4	6.25	4.25			14.50	
268	080503	Phạm Thùy Gia Thục	01/12/2009	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3	4.75	6.75			14.50	
269	080006	Lê Trần Duy An	16/10/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4	5.75	4.5			14.25	
270	080106	Lê Thị Ngọc Diệp	03/10/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	3	6.25	5			14.25	
271	080193	Nguyễn Ngọc Hiếu	28/10/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	5	6.5	2.75			14.25	
272	080226	Hoàng Thế Hùng	07/06/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	5.5	5.75	3			14.25	
273	080229	Nguyễn Gia Huy	16/09/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	2.5	6.25	5.5			14.25	
274	080276	Lê Anh Khoa	21/02/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3	6	5.25			14.25	
275	080286	Trần Anh Kiệt	26/02/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	5.75	4.75	3.75			14.25	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
276	080290	H' Nhuên Knul	11/11/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.75	5	4.5	1.0		14.25	
277	080308	Võ Nguyễn Thùy Linh	20/02/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3	7	4.25			14.25	
278	080399	Phan Hồng Nhiên	12/11/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.25	5.5	5.5			14.25	
279	080408	Văn Thị Mỹ Như	12/11/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.25	5.75	5.25			14.25	
280	080463	Êban Quách Jong Su	26/02/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4	5	4.25	1.0		14.25	
281	080551	Đặng Thị Việt Trinh	25/02/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.75	6.5	5			14.25	
282	080594	H' Xuyên Kpor	18/06/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3.25	5.5	4.5	1.0		14.25	
283	080041	Vũ Hoàng Gia Bảo	07/06/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3	6	5			14.00	
284	080174	Đinh Ngọc Gia Hân	08/03/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	2.5	6.75	4.75			14.00	
285	080184	H' Jalim Hbyă	29/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	6.25	2.75	1.0		14.00	
286	080185	Lương Thị H Ly Ly Hdrue	12/04/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	2.75	6	4.25	1.0		14.00	
287	080211	Phan Thị Thu Hoài	19/08/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.5	7	3.5			14.00	
288	080259	Nguyễn Tiến Khải	23/07/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	2.5	8	3.5			14.00	
289	080269	Nguyễn Duy Bảo Khanh	08/04/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	3.75	6.25	4			14.00	
290	080340	Đinh Ly Na	06/11/2009	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.25	6.75	4			14.00	
291	080347	Vương Nguyễn Bảo Nam	26/02/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3	5.75	5.25			14.00	
292	080369	Lê Thanh Hải Nguyên	29/10/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.75	4.25	6			14.00	
293	080373	Bùi Thị Ánh Nguyệt	16/02/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.75	5.75	4.5			14.00	
294	080375	Đào Nguyễn Thanh Nhân	28/07/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4.5	6.25	3.25			14.00	
295	080390	Lý Thị Tuyết Nhi	21/07/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.5	6	3.5	1.0		14.00	
296	080431	Đỗ Hoàng Thiên Phước	04/04/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	3.75	5.75	4.5			14.00	
297	080442	Trần Hoàng Quân	02/01/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.75	5.25	5			14.00	
298	080474	Lương Phương Thanh	15/03/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.25	7.25	4.5			14.00	
299	080477	Mai Diệp Thanh	21/04/2009	THCS Hùng Vương	Huyện Krông Bông	4.25	5.75	4			14.00	
300	080504	Lương Phương Thuỳ	15/03/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.25	6.25	4.5			14.00	
301	080566	Lê Ngọc Cát Tường	22/04/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.25	6	3.75			14.00	
302	080575	Nguyễn Thị Hải Vi	02/04/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4.5	5.75	3.75			14.00	
303	080143	Phạm Hoàng Minh Đăng	23/03/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4	4.75	5			13.75	
304	080116	Lương Mạnh Duy	07/11/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	4.25	4.5	4	1.0		13.75	
305	080214	Nguyễn Việt Hoàng	15/07/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	4	5.25	4.5			13.75	
306	080333	Đặng Thị Trà My	12/10/2009	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3	6.75	4			13.75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
307	080385	Nguyễn Hà Khánh Nhi	06/01/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.5	5	5.25			13.75	
308	520401	H Phạm Mai Nhi Hduê	15/09/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.75	4.5	3.5	1.0		13.75	
309	080404	Hồ Thị Quỳnh Như	25/05/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	2.25	5	6.5			13.75	
310	080410	H' Kưm Niê	11/04/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.5	6	3.25	1.0		13.75	
311	080427	Nguyễn Thái Minh Phúc	31/05/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.75	5.75	5.25			13.75	
312	080462	H Siêu Bdap	23/03/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.25	5	3.5	1.0		13.75	
313	080520	Phạm Đào Anh Thư	13/12/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	4	4.25	4.5	1.0		13.75	
314	080506	Đỗ Nhật Thùy	09/01/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	4	6.25	3.5			13.75	
315	080507	Nguyễn Lê Hồng Thủy	06/01/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.75	5.75	3.25	1.0		13.75	
316	080584	H' Vui Buôn Yă	19/09/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.5	3.75	4.5	1.0		13.75	
317	080428	Lê Đình Phụng	28/07/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	3.75	7.25	2.67			13.67	
318	080012	Đỗ Hoàng Phương Anh	09/11/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	4.75	6	2.75			13.50	
319	080050	Trần Gia Bảo	16/08/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	2	6.5	5			13.50	
320	080262	Hoàng Bảo Khang	03/02/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3	5.75	4.75			13.50	
321	080335	Nguyễn Thảo My	09/05/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	1.75	7	4.75			13.50	
322	080367	Nguyễn Hồ Thảo Nguyên	18/07/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	4.5	5.25	3.75			13.50	
323	080550	Phan Thị Lang Trinh	11/03/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3	6.75	3.75			13.50	
324	080064	H' Hương Bdap	25/04/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	2.75	5.75	3.75	1.0		13.25	
325	520033	H Như Bdap	09/03/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.25	5	4	1.0		13.25	
326	080073	H' Hằng Bkrông	13/10/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	2.75	7	2.5	1.0		13.25	
327	080079	H' Ći Byă	25/11/2009	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	2.75	6	3.5	1.0		13.25	
328	080100	H' Karin Buôn Dap	18/01/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.5	5.75	3	1.0		13.25	
329	080147	Đặng Thị Phương Đoan	24/11/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	3.25	7.25	2.75			13.25	
330	080163	Nguyễn Thị Hương Giang	10/09/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3	6	4.25			13.25	
331	080311	Nguyễn Hữu Lĩnh	01/03/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3.25	4.75	5.25			13.25	
332	080329	Nguyễn Thị Xuân Mai	06/11/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.25	5.5	4.5			13.25	
333	080356	Vi Thị Ngân	08/11/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.75	4	4.5	1.0		13.25	
334	080397	Võ Thị Huyền Nhi	28/12/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.5	6.25	3.5			13.25	
335	080435	Trần Thị Bích Phương	10/02/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.25	5	5			13.25	
336	080553	Trần Cao Trọng	08/12/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.75	5	4.5			13.25	
337	520032	Y Zô Sia Bdap	19/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4	3.5	4.5	1.0		13.00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
338	080096	Nguyễn Văn Cường	21/02/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	2.75	6	4.25			13.00	
339	080196	Trần Huy Hiếu	01/11/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4	5.5	3.5			13.00	
340	080210	Mai Hoàng Thiên Hóa	01/01/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3	5.75	4.25			13.00	
341	080336	Hoàng Đặng Huyền My	25/08/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4	6	3			13.00	
342	080339	Hà My	09/04/2010	THCS Hùng Vương	Huyện Krông Bông	4.25	6	2.75			13.00	
343	080376	Nguyễn Thị Thanh Nhân	28/11/2009	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3	5.25	4.75			13.00	
344	080436	Cao Dương Bích Phượng	20/10/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	2.5	6.25	4.25			13.00	
345	080465	Trịnh Vũ Thành Tài	11/01/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	2.25	4.5	6.25			13.00	
346	080516	Trần Vũ Anh Thư	02/05/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	3	6	4			13.00	
347	080508	Lê Võ Thanh Thúy	05/02/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3	6.5	3.5			13.00	
348	080523	Nguyễn Hoàng Khánh Thy	02/11/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.25	5	4.75			13.00	
349	080567	H' Uôn Niê	25/01/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.75	6	2.25	1.0		13.00	
350	080586	Nguyễn Ngọc Tường Vy	03/07/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.75	5.5	3.75			13.00	
351	080601	Nguyễn Hoàng Phương Yến	04/04/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.5	6	3.5			13.00	
352	080024	Nguyễn Hoàng Anh	21/02/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3	5.25	4.5			12.75	
353	080031	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	16/07/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.25	6	4.5			12.75	
354	080069	H' Ka Thy Bdap	14/06/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.75	4.25	3.75	1.0		12.75	
355	080156	H Đom Êban	24/01/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3	6.75	2	1.0		12.75	
356	080155	Nguyễn Hoàng Huân Êban	28/11/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.5	5.5	2.75	1.0		12.75	
357	080158	H' Noang Êban	16/02/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.75	4.75	3.25	1.0		12.75	
358	080253	H Juli Ayun	08/09/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3.25	5.75	2.75	1.0		12.75	
359	080267	Trần Thái Khang	10/12/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	2.75	4.25	5.75			12.75	
360	080331	H' Quỳnh Mdrang	29/01/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4.75	5.5	1.5	1.0		12.75	
361	080439	Nguyễn Nhật Quang	27/06/2009	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	2.75	5	5			12.75	
362	080514	Bùi Sương Anh Thư	30/04/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	2.25	5.5	5			12.75	
363	080587	Trần Thị Yến Vy	17/01/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.75	6	3			12.75	
364	080066	H Yu Let Bdap	04/01/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	2.75	6.25	2.5	1.0		12.50	
365	080140	Nguyễn Minh Đăng	10/05/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	3	4.75	4.75			12.50	
366	080247	Vũ Đức Huỳnh	22/05/2010	THCS Dray Bông	Huyện Cư Kuin	3.75	5.5	3.25			12.50	
367	080272	Hoàng Duy Khánh	16/01/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.75	5.25	3.5	1.0		12.50	
368	080326	Dương Thị Khánh Ly	12/03/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.25	6.5	2.75			12.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
369	080374	H' Như Nguyệt Mdrang	09/03/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.75	5.75	1	1.0		12.50	
370	080432	Nguyễn Hữu Phước	16/09/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.75	4	3.75			12.50	
371	080455	Đỗ Thị Như Quỳnh	24/04/2009	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	4.5	4.75	3.25			12.50	
372	080469	Đặng Thị Như Tâm	30/04/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.25	5.75	3.5			12.50	
373	080574	Hà Thị Hương Vi	06/09/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.25	4.25	5			12.50	
374	080595	Hoàng Như Ý	25/03/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.5	6	4			12.50	
375	080130	Lục Thị Đào	19/10/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.75	6	2.5	1.0		12.25	
376	080150	Y Đô Nan Êñuôl	04/09/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3.5	5.75	2	1.0		12.25	
377	080227	Lê Văn Huy	26/07/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	4	5.25	3			12.25	
378	080244	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22/02/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	2.75	6.25	3.25			12.25	
379	080313	Trần Kim Loan	11/11/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.25	4.5	3.5	1.0		12.25	
380	080355	Hoàng Thị Hiếu Ngân	15/03/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3	5.25	4			12.25	
381	080364	Phạm Thị Hoàng Ngọc	01/09/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3	5.5	3.75			12.25	
382	080525	Vũ Anh Thy	30/03/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.75	6.5	2			12.25	
383	080020	Nông Tuấn Anh	27/10/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3	5	3	1.0		12.00	
384	080054	Phạm Hoài Bảo	27/02/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.25	5.25	4.5			12.00	
385	080083	Y La Kín Byă	29/04/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3	4	4	1.0		12.00	
386	080281	Hà Viết Kiên	05/11/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	4	4.5	2.5	1.0		12.00	
387	080363	Lê Bảo Ngọc	24/04/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3	5.25	3.75			12.00	
388	080452	Lê Thị Diễm Quỳnh	22/07/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	2.5	5	3.5	1.0		12.00	
389	080530	Nguyễn Gia Tiếp	08/06/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	2.25	6	3.75			12.00	
390	080541	Phạm Thị Thùy Trâm	04/12/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	2.25	4.75	5			12.00	
391	080013	Huyền Thị Phương Anh	14/04/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.5	5	2.25	1.0		11.75	
392	080042	Đặng Duy Bảo	29/07/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	2.25	5.5	4			11.75	
393	080077	H' The Ny Byă	07/04/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	2.25	3.75	4.75	1.0		11.75	
394	080206	Lâm Trung Hòa	27/03/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3	3.75	4	1.0		11.75	
395	080216	Phạm Văn Hoàng	04/07/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.75	5	4			11.75	
396	080268	Nguyễn Bảo Minh Khang	24/02/2010	THCS Hùng Vương	Huyện Krông Bông	4.25	3.75	3.75			11.75	
397	080273	Đỗ Ngọc Khánh	17/07/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	2.75	6.25	2.75			11.75	
398	080310	Trần Nguyễn Uyên Linh	17/10/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4	5.75	2			11.75	
399	080309	Tổng Văn Quang Linh	07/12/2009	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.75	3.25	3.75	1.0		11.75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
400	080361	Bùi Thị Bảo Ngọc	18/08/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.5	5.25	4			11.75	
401	080381	Nguyễn Minh Nhật	25/04/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	2.25	6	3.5			11.75	
402	080393	Hoàng Thị Uyên Nhi	12/02/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	3	5.5	3.25			11.75	
403	080396	Nguyễn Thị Hoài Nhi	01/05/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.25	5.5	3			11.75	
404	080464	Bùi Tiến Anh Tài	02/11/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3	5	3.75			11.75	
405	080518	Phạm Anh Thư	25/10/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.25	5.25	2.25			11.75	
406	080528	Phan Thị Cẩm Tiên	16/07/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	2.75	5.75	3.25			11.75	
407	080548	Lương Thị Kiều Trinh	03/11/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3	5.75	3			11.75	
408	080583	Lê Quang Vũ	16/10/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	2.75	4.25	4.75			11.75	
409	080588	Trần Phương Vy	13/06/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.25	6.75	1.75			11.75	
410	080030	Nông Thị Ngọc Ánh	03/08/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.5	6.5	1.5	1.0		11.50	
411	080065	Trần Phương Nhi Bdap	12/11/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3	6.25	1.25	1.0		11.50	
412	080078	H' Zen Ni Byă	08/09/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.5	3.25	3.25	1.0	0.5	11.50	
413	080127	Trần Thị Linh Đan	21/10/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.25	5.75	1.5	1.0		11.50	
414	080114	Trần Thị Dung	05/05/2009	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.75	4.5	4.25			11.50	
415	080122	H' Dương Niê	26/09/2009	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	1.75	5.25	3.5	1.0		11.50	
416	080199	H Ha Linh Hmok	15/11/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	4	3.5	3	1.0		11.50	
417	080252	Phan Lê Gia Hy	11/03/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3	4.75	3.75			11.50	
418	080400	Vũ Hoàng Mỹ Nhung	19/03/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3	6.75	1.75			11.50	
419	080596	Phạm Hoàng Ý	06/05/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.75	5.75	3			11.50	
420	080192	Phan Văn Công Hiếu	14/01/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	4.25	5	2.17			11.42	
421	080071	Nguyễn Tuấn Bình	30/03/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	3	5	3.25			11.25	
422	080098	Ngô Mạnh Cường	29/06/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	4.25	4	3			11.25	
423	080134	Mai Tú Đạt	20/09/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	2.25	5.75	3.25			11.25	
424	080117	Vũ Văn Duy	09/09/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.5	3	4.75			11.25	
425	080172	Nguyễn Thanh Hạo	10/04/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.25	5.25	2.75			11.25	
426	080248	Phạm Tuấn Hưng	10/01/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	4	5.25	2			11.25	
427	080257	Đỗ Minh Kha	20/05/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	3.5	6	1.75			11.25	
428	080289	H Tinh Knul	03/01/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.75	4.25	2.25	1.0		11.25	
429	520366	H' Zôn Na Hmők	16/09/2009	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.5	5.25	1.5	1.0		11.25	
430	080413	H Kuin Niê	13/02/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.5	4.5	2.25	1.0		11.25	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
431	080500	Lục Thị Yến Thơm	05/05/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.25	4.25	2.75	1.0		11.25	
432	080502	Y Thuần Ếnôl	19/10/2009	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3	4.75	2.5	1.0		11.25	
433	080590	Vũ Phạm Tường Vy	11/06/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.5	5.25	1.5			11.25	
434	080602	H - Yieu Kbuôr	05/01/2009	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	2	6.5	1.75	1.0		11.25	
435	080022	Hoàng Phương Anh	19/06/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	2	5.5	3.5			11.00	
436	080060	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	14/01/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	4.5	5	1.5			11.00	
437	080132	Nguyễn Đăng Thành Đạt	28/07/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.75	5.25	3			11.00	
438	080133	Lê Quang Đạt	19/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	3.25	3.5			11.00	
439	080109	Hoàng Thị Tịnh Dịu	14/02/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.25	4.25	2.5	1.0		11.00	
440	080120	Hoàng Thị Duyên	10/09/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.5	4	2.5			11.00	
441	080260	Lê Ngọc Bảo Khang	09/02/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.25	6.25	2.5			11.00	
442	520308	H' Đa Lim Êban	09/02/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.75	5.75	0.5	1.0		11.00	
443	080315	Vũ Thị Thanh Loan	30/09/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	2	5.5	3.5			11.00	
444	080398	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	23/02/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	2	6.75	2.25			11.00	
445	080405	Hoàng Thị Như	23/02/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3.25	4	2.75	1.0		11.00	
446	080422	Trần Hữu Phát	02/03/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.75	5	2.25			11.00	
447	080475	Lê Hồ Vĩnh Thanh	20/04/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.75	4.25	3			11.00	
448	080522	Lê Hoàng Hoài Thương	09/11/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.75	4.75	2.5			11.00	
449	080110	Lê Bật Doanh	16/01/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3.5	5.75	1.5			10.75	
450	080157	H' Kasim Êban	04/11/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3	4.25	2.5	1.0		10.75	
451	080200	H' Jac Ky Hmok	09/11/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	2.5	5.25	2	1.0		10.75	
452	080291	H San Chi Knul	22/03/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	2.75	3.25	3.75	1.0		10.75	
453	080296	H' Jêmima Buôn Krông	07/05/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	2.75	4.5	2.5	1.0		10.75	
454	080441	Nguyễn Trọng Minh Quân	20/11/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4	4.75	2			10.75	
455	080458	Trần Hoàng Bảo San	25/12/2009	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	2.75	4.5	3.5			10.75	
456	080471	Hoàng Trần Duy Tân	04/03/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4.5	4.5	1.75			10.75	
457	080478	Đậu Tiến Thành	03/11/2009	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.25	4.5	4			10.75	
458	080529	Lê Tài Tiến	26/10/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.75	4.5	3.5			10.75	
459	080035	H' Lamly B Ắ	24/08/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3	5	1.5	1.0		10.50	
460	080058	Phạm Hồng Gia Bảo	02/11/2009	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.25	4.5	2.75			10.50	
461	080170	Vũ Thị Mỹ Hạnh	06/03/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	3	5.75	1.75			10.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
462	080207	Đào Yên Hòa	16/07/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.75	4.75	2			10.50	
463	080270	Nguyễn Nữ Việt Khánh	04/01/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	2.75	4.75	3			10.50	
464	080384	Nguyễn Thị YẾN Nhi	02/12/2009	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	2.5	5.75	2.25			10.50	
465	080418	Dương Thị Kiều Oanh	24/01/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	2.75	5.25	2.5			10.50	
466	080420	Nguyễn Văn Phát	13/04/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	4.75	3.75	2			10.50	
467	080495	Trần Văn Lộc Thiện	01/12/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3	5.5	2			10.50	
468	080552	Nguyễn Ngọc Kiều Trinh	30/04/2010	THCS Đinh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	4	4.75	1.75			10.50	
469	080555	Nguyễn Thị Thanh Trúc	25/07/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3	4.5	3			10.50	
470	080044	Tưởng Lê Gia Bảo	22/01/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	2.25	4.5	3.5			10.25	
471	080067	H Buýt Bdap	25/10/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	3.75	5.25	0.25	1.0		10.25	
472	080123	Dương Thành Long	25/12/2009	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.75	3.75	2.75	1.0		10.25	
473	080277	Ngô Đăng Khoa	04/08/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	4.25	4.5	1.5			10.25	
474	080345	Lâm Bảo Nam	13/08/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3	4.75	1.5	1.0		10.25	
475	080380	Nguyễn Đỗ Long Nhật	02/01/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	3	5	2.25			10.25	
476	080414	H Cui Niê	05/07/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.25	3	3	1.0		10.25	
477	080419	Nguyễn Vi Oanh	05/09/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.5	3.5	3.25			10.25	
478	080460	Nguyễn Như Sang	13/04/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.75	4	1.5	1.0		10.25	
479	080168	H' Hồng Bkrông	07/01/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	2.5	4.75	1.75	1.0		10.00	
480	080201	H' truy m Hmök	22/01/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.25	4	1.75	1.0		10.00	
481	080348	Trần Bảo Nam	14/01/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	2.25	5.25	2.5			10.00	
482	080360	Nguyễn Tô Bảo Ngọc	23/06/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.5	3.5	2	1.0		10.00	
483	080368	Ngô Phạm Thái Nguyên	25/01/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.25	4.5	3.25			10.00	
484	080430	Mai Văn Phước	30/09/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.5	5	2.5			10.00	
485	080519	Nguyễn Thị Anh Thư	06/08/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	1.75	3.75	4.5			10.00	
486	520569	Hoàng Mạnh Tùng	13/03/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	3.25	5	0.75	1.0		10.00	
487	080593	Nguyễn Thị Xuân	17/03/2010	Trường THCS Chư Quỳnh	Huyện Cư Kuin	3	5.5	1.5			10.00	
488	080033	Phùng Thanh Chương Arul	04/04/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	3	4	1.75	1.0		9.75	
489	080043	Lê Văn Bảo	24/06/2009	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	2.5	4.25	3			9.75	
490	080074	H Zulin Bkrông	01/03/2009	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	2.25	4.5	2	1.0		9.75	
491	080088	Trần Tuấn Mỹ Châu	07/08/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3	5	1.75			9.75	
492	080142	Hoàng Hải Đăng	11/12/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.75	3.5	2.5			9.75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
493	080145	H Đınar Kbuôr	15/05/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	3.25	4.5	1	1.0		9.75	
494	080152	Tạ Trung Đức	25/02/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.25	5.75	1.75			9.75	
495	080159	H Le Êban	11/05/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	1.75	6	1	1.0		9.75	
496	080178	Nguyễn Trần Ngọc Hân	27/11/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.25	4.25	3.25			9.75	
497	080189	Nguyễn Ngọc Hiếu	28/05/2010	THCS Đınh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	1.75	5	3			9.75	
498	080282	Y Kiên Êñuôl	20/04/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	4	4.25	0.5	1.0		9.75	
499	080318	Nguyễn Văn Long	26/04/2010	THCS Nguyễn Đınh Chiểu	Huyện Cư Kuin	3.75	5.25	0.75			9.75	
500	080332	H' Rô My Mdrang	06/05/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3.5	4.25	1	1.0		9.75	
501	080543	Lê Phạm Bảo Trâm	22/01/2010	THCS Dray Bắhng	Huyện Cư Kuin	3.75	4.75	1.25			9.75	
502	080547	Phạm Hoàng Bảo Trn	20/10/2010	THCS Nguyễn Đınh Chiểu	Huyện Cư Kuin	2.25	5.5	2			9.75	
503	080589	Vn Khán Vy	27/11/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	3.75	4.75	1.25			9.75	
504	080017	Trần Thị Quỳnh Anh	06/03/2010	THCS Chư Êwi	Huyện Cư Kuin	1.75	4.75	3			9.50	
505	080061	Trần Anh Bắc	04/10/2010	THCS Nguyễn Đınh Chiểu	Huyện Cư Kuin	3	5	1.5			9.50	
506	080038	Bùi Văn Bn	21/10/2010	THCS Dray Bắhng	Huyện Cư Kuin	2.75	4.25	2.5			9.50	
507	080218	Nguyễn Ánh Huy Hoàng	03/01/2010	THCS Nguyễn Đınh Chiểu	Huyện Cư Kuin	2.5	4.5	2.5			9.50	
508	080225	Võ Quốc Phi Hùng	17/03/2010	THCS Nguyễn Đınh Chiểu	Huyện Cư Kuin	2.75	4.75	2			9.50	
509	080236	Phạm Quốc Huy	24/09/2010	THCS Dray Bắhng	Huyện Cư Kuin	3.5	4.5	1.5			9.50	
510	080245	Hoàng Khán Huyên	20/10/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.5	4.75	1.25	1.0		9.50	
511	080433	Vũ Hà Kiều Phương	14/01/2010	THCS Đınh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3	3.5	3			9.50	
512	080002	H Suka Adrơng	14/01/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	2.75	3.5	2.25	1.0		9.50	
513	080499	Nguyễn Thị Anh Thơ	22/10/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	3	4	2.5			9.50	
514	080597	Y Fran Kbuôr	14/03/2010	THCS Giang Sơn	Huyện Cư Kuin	2	5	1.5	1.0		9.50	
515	080160	H Kiêm Êñuôl	14/05/2010	THCS 19/8	Huyện Cư Kuin	2.25	5.5	0.5	1.0		9.25	
516	080237	Y Huy Niê	09/07/2010	THCS Đınh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.25	4.5	0.5	1.0		9.25	
517	080264	Trần Bảo Khang	08/12/2010	THCS Đınh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	2.75	5.5	1			9.25	
518	080324	Hồ Quang Lương	15/01/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	3	3.25	3			9.25	
519	080444	Phan Ngọc Quốc	16/09/2010	THCS Ea Hu	Huyện Cư Kuin	2.25	5.25	1.75			9.25	
520	080003	Y Chang Adrơng	27/07/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	2.25	4.25	1.5	1.0		9.00	
521	080007	Y An Buôn Yă	19/09/2010	THCS Đınh Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	2.25	4.25	1.5	1.0		9.00	
522	080101	H' Ra Hin Buôn Dap	02/11/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	3	2.5	2.5	1.0		9.00	
523	080292	Y Rô Bin Knul	02/12/2010	THCS Ea Bôk	Huyện Cư Kuin	2.5	3	2.5	1.0		9.00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
524	080457	Y - Saly Hmők	04/01/2010	THCS Đình Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.25	4.25	0.5	1.0		9.00	
525	080068	Y - Rooni Bdap	02/07/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	1.75	4.25	1.75	1.0		8.75	
526	080254	H' Hạnh Kbuôr	28/12/2010	THCS Ea HNin	Huyện Cư Kuin	2.5	4.25	1	1.0		8.75	
527	080001	Y - Đoàn Mdrang	01/01/2010	THCS Đình Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	3.5	3.5	0.5	1.0		8.50	
528	080202	Y Trung Hmők	23/01/2010	THCS Ea Bhok	Huyện Cư Kuin	2.25	2.25	2.75	1.0		8.25	
529	080298	H' Nữ Ksor	16/01/2009	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	3	4	0.25	1.0		8.25	
530	080082	H' Phi Na Byă	25/11/2010	THCS Ea Bhok	Huyện Cư Kuin	2	2.25	2.75	1.0		8.00	
531	080085	Y Khuôn Byă	22/09/2010	THCS Ea Bhok	Huyện Cư Kuin	3.25	3.25	0.5	1.0		8.00	
532	080293	Y Jê Ra Knul	28/07/2010	THCS Dray Bhang	Huyện Cư Kuin	3.5	2.25	1.25	1.0		8.00	
533	080297	H Ngim Ksor	06/02/2009	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	2	4.5	0.5	1.0		8.00	
534	080037	H' Gê B'dap	31/07/2010	THCS Ea Bhok	Huyện Cư Kuin	2.25	3.75	0.75	1.0		7.75	
535	080063	H Then Bdap	16/05/2010	THCS Ea Bhok	Huyện Cư Kuin	2.25	3.25	1.25	1.0		7.75	
536	080599	Y Mi Sơ B Yă	31/07/2010	THCS Ea Bhok	Huyện Cư Kuin	3.5	2.25	1	1.0		7.75	
537	080080	Y Jê Min Byă	20/01/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin	2	3.25	1.25	1.0		7.50	
538	080086	Y Nikô Byă	31/05/2010	THCS Ea Bhok	Huyện Cư Kuin	3.75	2.25	0.5	1.0		7.50	
539	080094	Y- Chưng Knul	23/08/2009	THCS Đình Bộ Lĩnh	Huyện Cư Kuin	2.25	3.75	0.5	1.0		7.50	
540	080103	Y Triu B Dap	16/03/2010	THCS Ea Bhok	Huyện Cư Kuin	2.5	3.5	0.25	1.0		7.25	
541		H' Thiêm Bdap	15/03/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
542		H' Ta Xi Bdap	01/12/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
543		H' Jun Hy Bdap	31/07/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
544		H Nhưa Bdap	26/04/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
545		H Ya Kiêng Byă	25/07/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
546		H' Dêm Byă	12/10/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
547		H' Kim Byă	26/11/2009	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
548		H Linh Byă	18/07/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
549		Y - Đoàn Êban	15/10/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
550		Y Khuê Êban	06/07/2008	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
551		H' Brian Kbuôr	18/06/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
552		H Tuệ Kbuôr	12/08/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
553		H' Mừng Niê Kdăm	27/05/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
554		H Mria Kdrai	12/09/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
555		Dương Hoàng Long	02/12/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
556		Y Huy Mdrang	24/09/2008	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
557		H' Vương Niê	18/09/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
558		H Lê Vy Niê	09/03/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
559		Y Khải Buôn Yă	03/01/2010	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin				1.0		1.00	TT
560		Nguyễn Đức Khoa	30/03/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Cư Kuin						0.00	TT

Danh sách này gồm: 560 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Đắk Lắk, ngày 1 tháng 7 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI